

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe

Mã học phần: COM421

1. Thông tin chung về học phần

- Số tín chỉ: 1/1
- Loại học phần: bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không
- Đối tượng: Bác sỹ đa khoa hệ chính quy
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Y học cộng đồng, Khoa YTCC
- Cán bộ phụ trách học phần: TS Nguyễn Thị Tố Uyên
- Số tiết quy định đối với các hoạt động: 30
 - + Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
 - + Thảo luận : 03 tiết
 - + Làm bài tập : 15 tiết
 - + Thực hành : 15 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm : 60 giờ
 - + Tự học : 60 giờ
 - + Bài tập lớn (tiểu luận):
 - + Tự học có hướng dẫn:

2. Thông tin chung về các giảng viên

ST T	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1	PGS.TS. Đàm Khải Hoàn	0915 047 409	hoanytcc@gmail.com	VSXHH&T CYT	BM YHCD
2	TS Nguyễn Quang Mạnh	0915 646 678	nguyenquangmanh@gmail.com	YTCC	TT- KT&Đ BCLG D

3	TS Nguyễn Thị Tô Uyên	0917 702 575	ngtouyen75@gmail.com	YTCC	BM YHCD
4	TS Trần Thế Hoàng	0912 130 410	tranthehoang0410@gmail.com	YTCC	BM YHCD
5	Ths Vũ Thị Thanh Hoa	0915 530789	dr.hoavu@gmail.com	YTCC	BM YHCD
6	Ths Đinh Văn Thắng	0983 969 226	thangmoon@gmail.com	YTCC	BM YHCD
7	Ths Nguyễn Thị Ánh	0902 063 880	anhyn@gmail.com	YHDP	BM YHCD
8	Ths Bùi Thị Việt Hà	0868 445 688	buivietha87@gmail.com	YTCC	BM YHCD
9	Ths Nguyễn Thu Hoài	0973 497 543	hoaint.dp2@gmail.com	YTCC	BM YHCD

3. Mô tả học phần

- Mô tả học phần:

Học phần truyền thông giáo dục sức khỏe được dạy/học vào kỳ một của năm thứ 3 trong cho đối tượng bác sỹ đa khoa. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ: 1 lý thuyết và 1 thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe. Về kỹ năng sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để lập bản kế hoạch truyền thông và thực hành một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một bác sỹ tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người CBYT. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của Bác sỹ Đa khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Sinh viên sẽ có được các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi, truyền thông giáo dục sức khỏe để xây dựng được kế hoạch cho hoạt động truyền thông và vận dụng các

kỹ năng, phương tiện, phương pháp truyền thông đã học để tiến hành TT- GDSK cho cộng đồng, đáp ứng được chuẩn năng lực của người Bác sĩ đa khoa.

Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

1. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.
2. Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện truyền thông và lập kế hoạch truyền thông và huy động cộng đồng trong thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Kỹ năng

3. Thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch và truyền thông giáo dục sức khỏe trong một số tình huống cụ thể.

5. Nhiệm vụ của sinh viên

5.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị các nội dung cần thảo luận theo yêu cầu giảng viên
- Hoàn thành các bài kiểm tra chuẩn bị bài trước khi đến lớp (RAEs)
- Chuẩn bị và tham gia thảo luận trên lớp
- Hoàn thành các bài tập được giao trong sách bài tập.

5.2. Phần thực hành:

- Các bài thực hành của môn học: có 6 bài thực hành
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành: Học viên phải tham dự 100% các giờ thực hành. Học viên cần chuẩn bị các nội dung thực hành trước khi đến lớp theo yêu cầu của từng bài thực hành. Trong giờ thực hành thực hiện đầy đủ các yêu cầu bài thực hành và phải tham gia lượng giá thực hành cuối mỗi buổi thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên và thang điểm

6.1. Hình thức lượng giá

- Kiến thức: MCQ
- Kỹ năng: Thực hành theo bảng kiểm

6.2. Các bài lượng giá

Bài lượng giá	Thời điểm	Hình thức	Thời lượng	Hệ số số	Nội dung lượng giá
Bài thường xuyên	Theo quy định của 02 bài RAEs	Trắc nghiệm	5 phút	1	Điểm trung bình của 02 bài RAEs
Bài thi giữa học phần	Sau khi học xong thực hành buổi 6	Thực hành theo bảng kiểm	20 phút mỗi buổi	2	Điểm trung bình bài lượng giá sau mỗi buổi thực hành Buổi 1-6
Bài thi kết thúc học phần	Theo lịch Đào tạo	Viết tự luận	60 phút (2 câu)	3	Bài 1-9

Công thức tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = ((\text{Điểm KTTX} + \text{Điểm GHP} \cdot 2) / 3 + \text{Điểm KTHP}) / 2$$

Trong đó:

- Điểm kiểm tra TX: Là trung bình cộng của các bài RAEs (bài kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên trước khi đến lớp) (80% mức độ nhớ - 20% mức độ hiểu). Chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm thi giữa học phần (GHP): là điểm trung bình bài lượng giá sau mỗi buổi thực hành (lượng giá bằng bảng kiểm). Chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm thi kết thúc học phần (KTHP): Chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Hình thức thi viết tự luận.

Bảng test Blue print cho KTTX:

STT	Mục tiêu	Mức độ lượng giá			Tổng cộng
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
1	Mục tiêu 1	5	30	15	50 (50%)
2	Mục tiêu 2	5	30	15	50 (50%)
	Tổng cộng	10	60	30	100 câu (100%)

Điểm KTTG: Điểm trung bình của 6 bài thực hành

Lượng giá theo bảng kiểm, theo quy định hiện hành của Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

Bảng test Blue print cho KTHP

STT	Mục tiêu	Mức độ lượng giá			Tổng cộng
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
1	Mục tiêu 1	10	60	30	100 (50%)
2	Mục tiêu 2	10	60	30	100(50%)
	Tổng cộng	20	120	60	200 câu (100%)

7. Nội dung chi tiết học phần

STT	Tên bài	Số tiết
A	Phần lý thuyết	
1	<p>Bài 1. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm hành vi</p> <p>1.1. Hành vi của con người</p> <p>1.2. Hành vi sức khỏe</p> <p>2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi HV</p> <p>2.1. Các yếu tố bên trong</p> <p>2.2. Các yếu tố bên ngoài</p> <p>3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p>3.1. Hiểu rõ HV của đối tượng cần giáo dục</p> <p>3.2. Các bước thay đổi hành vi sức khỏe.</p>	3
2	<p>Bài 2. Khái niệm, vị trí, vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm TT - GDSK</p> <p>2. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe</p> <p>2.1. GDSK làm thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p>2.2. GDSK là một quá trình truyền thông</p> <p>2.3. GDSK là một quá trình tác động tâm lý</p> <p>3. Mục đích của TT-GDSK</p> <p>4. Vai trò của TT - GDSK</p> <p>4.1. Vai trò của truyền thông</p> <p>4.2. Vai trò của giáo dục sức khỏe</p> <p>5. Vị trí của TT-GDSK</p>	1

3	<p>Bài 3. Nguyên tắc TT-GDSK</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tầm quan trọng của TT-GDSK 2. Các nguyên tắc TT-GDSK <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Tính khoa học 2.2. Tính đại chúng 2.3. Tính trực quan 2.4. Tính thực tiễn 2.5. Tính lồng ghép 2.6. Tính vừa sức và vững chắc 2.7. Tính cá biệt và tính tập thể 2.8. Tính tích cực, tự giác và sáng tạo 	1
4	<p>Bài 4. PP giao tiếp và TT – GDSK</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu cần thiết để TT-GDSK hiệu quả 2. Phương pháp giao tiếp <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm giao tiếp 2.2. Các loại giao tiếp 3. Kỹ năng sử dụng trong TT – GDSK <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Kỹ năng nói 3.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.3. Kỹ năng khuyến khích động viên 3.4. Kỹ năng lắng nghe 3.5. Kỹ năng quan sát 3.6. Kỹ năng thuyết phục 3.7. Kỹ năng thuyết trình 3.8. Kỹ năng giải thích 4. Phương pháp đóng vai để TT-GDSK <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Khái niệm về đóng vai 4.2. Mục đích của đóng vai 4.3. Tổ chức đóng vai 	1
5	<p>Bài 5. Phương tiện và phương pháp TT - GDSK</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở đầu 	3

	<p>2. Các phương tiện TT-GDSK</p> <p>2.1. Lời nói</p> <p>2.2. Cử chỉ, điệu bộ (ngôn ngữ cơ thể)</p> <p>2.3. Các phương tiện trực quan và phương tiện nghe nhìn</p> <p>3. Các phương pháp TT-GDSK</p> <p>3.1. Phương pháp gián tiếp</p> <p>3.2. Phương pháp trực tiếp</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Phương pháp thường áp dụng ở CĐ</p> <p>1) Tổ chức nói chuyện giáo dục sức khỏe</p> <p>2) Tổ chức TT-GDSK qua thảo luận nhóm</p> <p>3) TT-GDSK cá nhân</p>	
6	<p>Bài 6. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe</p> <p>1. Một số nguyên tắc trong LKH TT-GDSK</p> <p>1.1. Điều tra trước</p> <p>1.2. Lồng ghép</p> <p>1.3. Thống nhất với lãnh đạo địa phương</p> <p>1.4. Phối hợp liên ngành</p> <p>1.5. Huy động sự tham gia của cộng đồng</p> <p>1.6. Tiến hành thí điểm</p> <p>2. Các bước lập kế hoạch TT-GDSK</p> <p>2.1. Bước 1. Phân tích tình hình</p> <p>2.2. Xác định mục tiêu TT- GDSK</p> <p>2.3. Lựa chọn giải pháp thích hợp</p> <p>2.4. Lập chương trình hoạt động</p> <p>2.5. Triển khai thực hiện</p> <p>2.6. Đánh giá kết quả đạt được</p>	2
7	<p>Bài 7. Nội dung TT-GDSK</p> <p>1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung TT-GDSK</p> <p>2. Các nhóm vấn đề chính cần TT-GDSK.</p> <p>2.1. TT-GDSK bảo vệ sức khỏe BMTE</p>	1

	<p>2.2. Giáo dục dinh dưỡng</p> <p>2.3. Giáo dục sức khỏe ở trường học</p> <p>2.4. Giáo dục vệ sinh và bảo vệ môi trường</p> <p>2.5. Giáo dục vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp</p> <p>2.6. GD phòng chống bệnh tật nói chung</p> <p>2.7. Giáo dục nâng cao sức khỏe</p>	
8	<p>Bài 8. Tổ chức, quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động TT-GDSK</p> <p>1. Nhiệm vụ hệ thống TT-GDSK hiện nay</p> <p>1.1. Nhiệm vụ Trung tâm TT-GDSK tỉnh</p> <p>1.2. Phòng TT-GDSK thuộc TTYT huyện</p> <p>1.3. Phương pháp xây dựng Góc TT-GDSK</p> <p>2. Quản lý các hoạt động TT-GDSK</p> <p>2.1. Mục đích của quản lý TT-GDSK</p> <p>2.2. Các nội dung quản lý về TT-GDSK</p> <p>3. Giám sát các hoạt động TT-GDSK</p> <p>3.1. Mục đích giám sát TT-GDSK</p> <p>3.2. Yêu cầu giám sát TT-GDSK</p> <p>4. Đánh giá các hoạt động TT-GDSK</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Một số loại hình đánh giá</p> <p>4.3. Nội dung của đánh giá</p> <p>4.4. Phương pháp đánh giá</p> <p>4.5. Ai đánh giá</p> <p>4.6. Thời điểm để đánh giá</p> <p>4.7. Phân tích kết quả đánh giá</p>	2
9	<p>Bài 9. Huy động cộng đồng truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Vai trò các bên liên quan trong TTGDSK</p> <p>2.1. Các bên liên quan trong thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>2.2. Phân nhóm các bên liên quan trong TTGDSK</p> <p>3. Các bước tiến hành huy động cộng đồng tham gia chăm sóc sức khỏe</p>	1

	4. Huy động các nhà lãnh đạo tham gia các hoạt động CSSK	
	Tổng số tiết lý thuyết	15
B	Phần thực hành	
1	Thực hành kỹ năng giao tiếp tại cộng đồng	2,5
2	Thực hành lập kế hoạch TT-GDSK	2,5
3	Thực hành TT- GDSK theo phương pháp nói chuyện sức khỏe	2,5
4	Thực hành TT- GDSK theo phương pháp thảo luận nhóm	2,5
5	Thực hành TT- GDSK theo phương pháp tư vấn tại hộ gia đình	2,5
6	Thực hành TT- GDSK theo phương pháp tư vấn tại trạm y tế	2,5
	Tổng số tiết thực hành	15
	Tổng số tiết học phần	30

8. Lịch học

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết - Hình thức dạy học				PP dạy/học	Học liệu	Giảng viên
		LT	TH	TL	Tổng			
A	Phần lý thuyết							
1	Bài 1. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	2			2	Thuyết trình ngắn, Thảo luận nhóm	1,3,4	PGS. Hoàn
2	Bài 1. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe (tiếp)			1	1	Thảo luận nhóm	1, 4, 5	Ths Ánh
3	Bài 2. Khái niệm, vị trí, vai trò của TT – GDSK và nâng cao sức khỏe Bài 3. Nguyên tắc TT-GDSK 1 tiết	1 1			2	Thuyết trình ngắn, Thảo luận nhóm	1, 4, 5	TS Uyên

4	Bài 4. Phương pháp giao tiếp và TT – GDSK	2			2	Thuyết trình ngắn, Thảo luận nhóm	1, 2, 3	TS. Hoàn
5	Bài 5. Phương tiện và phương pháp TT – GDSK	2			2	Thuyết trình ngắn, Thảo luận nhóm	1, 2, 3	TS. Hoàng
6	Bài 5. Phương tiện và phương pháp TT – GDSK (tiếp)			1	1	Thảo luận nhóm	4, 5, 6	Ths Hà
7	Bài 6. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe	2			2	Thuyết trình ngắn, Thảo luận tại chỗ	1, 2, 3,4	Ths Ánh
8	Bài 7. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe			1	1	Thảo luận nhóm	3,4,5,6	Ths Hoài
9	Bài 8. Tổ chức, quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động TT- GDSK	1			1	Thuyết trình ngắn, Thảo luận nhóm	2,3,4,5	TS. Mạnh
10	Bài 9. Huy động cộng đồng truyền thông giáo dục sức khỏe	1			1	Thuyết trình ngắn, Thảo luận	2,3,4,5,6	Ths Hoài

						nhóm		
B	Phần thực hành							
1	Thực hành kỹ năng giao tiếp		2,5		2,5	Hướng dẫn đóng vai, thảo luận nhóm	1, 2, 3,	Bs. Hoài
2	Thực hành lập kế hoạch TT-GDSK		2,5		2,5	Hướng dẫn, thảo luận nhóm	1,2,3,	PGS Hoàn
3	Thực hành TT-GDSK theo phương pháp nói chuyện sức khỏe		2,5		2,5	Đóng vai, thảo luận nhóm	1, 2, 3	TS Uyên
4	Thực hành TT-GDSK theo phương pháp thảo luận nhóm		2,5		2,5	Đóng vai, thảo luận nhóm	1, 2,3	Ths. Hoài
5	Thực hành TT-GDSK theo phương pháp tư vấn tại hộ gia đình		2,5		2,5	Đóng vai, thảo luận nhóm	1, 2,3	Ths. Hà
6	Thực hành TT-GDSK theo phương pháp tư vấn tại TYT GDSK		2,5		2,5	Đóng vai, thảo luận nhóm	1, 2,3	Ths. Ánh
Tổng		12	15	3	30			

9. Danh mục học liệu

Tài liệu học tập chính:

1. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên. Giáo dục và Nâng cao sức khỏe. Nhà xuất bản y học Hà Nội-2007.

2. Đàm Khải Hoàn. Huy động cộng đồng- TTGDSK miền núi phía bắc. Nhà xuất bản y học 2010.

Tài liệu tham khảo:

3. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên. Giáo dục và Nâng cao sức khỏe. Nhà xuất bản y học Hà Nội-2007.
4. Bộ y tế. Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản y học 2007
5. Trường Đại học y tế công cộng. Giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội – 2002

10. Bảng đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và chương trình đào tạo trong nước (đã sử dụng để xây dựng chương trình).

TT	Học phần trong chương trình đào tạo(Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong khung chương trình đào tạo đã sử dụng để xây dựng học phần	Phần trăm nội dung giống nhau
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Bác sỹ đa khoa Đại học Y Hà Nội	Truyền thông giáo dục sức khỏe	80
2.	Cử nhân y tế công cộng	Truyền thông sức khỏe	70
3.	Cử nhân y tế công cộng	Đại cương giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	40

11. Tài liệu tham khảo

1. Chương trình đào tạo Bác sỹ đa khoa Đại học Y Hà Nội – Học phần Truyền thông giáo dục sức khỏe

GV phụ trách học phần

Chủ tịch hội đồng thẩm định

Hiệu trưởng





TS Nguyễn Thị Tố Uyên

PGS TS Hạc Văn Vinh

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**